

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1275/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: XX ấp 1, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Mai Văn K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: YY ấp ĐL1, xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Mai Văn K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện ĐL, tỉnh QN ngày 18/12/2012 theo quy định.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong

quan điểm sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không còn phù hợp; ông K còn sử dụng ma túy đá rồi kiếm chuyện gây gỗ, hăm dọa mẹ con bà dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông K nhưng kết quả không thành, bà có nhờ gia đình hai bên khuyên can nhưng ông K vẫn không thay đổi. Sau khi ly thân, ông K ở xã BĐ còn bà ở xã Xuân Thới Thượng từ năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân, bà và ông K không còn quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau.

Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà không còn tình cảm, không còn muốn chung sống với ông K nữa, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn K.

Về con chung: Bà và ông K chung sống có 01 con chung tên Mai Trần Thảo N, sinh ngày 25/8/2011. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N. Tạm thời bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

- Bị đơn ông Mai Văn K đã được Tòa án nhân dân huyện HM triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện ly hôn với ông Mai Văn K, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Mai Văn K là bị đơn hiện đang cư trú tại xã BĐ, huyện HM nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Mai Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Văn K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị Thanh T và ông Mai Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện ĐL, tỉnh QN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 133/2012, quyển số 16/2012 ngày 18/12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông K có mâu thuẫn xảy ra. Bà T và ông K bất đồng trong quan điểm sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không còn phù hợp; ông K còn sử dụng ma

túy đá rồi kiếm chuyện gây gổ, hăm dọa mẹ con bà nên mẹ con bà chuyển về xã Xuân Thới Thượng sống từ năm 2020 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông K đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Tại các văn bản tổng đạt thì ông K là người trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Mặt khác, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông K. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thanh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung tên Mai Trần Thảo N, sinh ngày 25/8/2011. Con chung hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai lập ngày 21/11/2021, trẻ N có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T trình bày tạm thời không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Mai Văn K.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Mai Trần Thảo N, sinh ngày 25/8/2011 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Thanh T tạm thời không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0076806 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND ĐĐ, huyện ĐL, tỉnh QN
(Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2012,
quyển số YY/2012 ngày 18/12/2012);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thương